

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 979/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 04 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc duyệt điều chỉnh mạng lưới cao độ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng;
tỷ lệ 1/2.000 Đồ án khu trung tâm thị trấn Phú Thứ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quản lý kiến trúc đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1628 ngày 07 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm thị trấn Phú Thứ; tỷ lệ 1/2.000;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 211/TTr-SXD ngày 01 tháng 12 năm 2008 và Báo cáo số 50 ngày 20 tháng 5 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh mạng lưới cao độ thiết kế Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm thị trấn Phú Thứ; tỷ lệ 1/2.000, như sau:

1. Nguyên nhân:

- Thực hiện sai sót quy trình quy phạm khảo sát đo đạc từ giai đoạn quy hoạch chung dẫn đến nghiên cứu giải pháp quy hoạch trên nền bản đồ địa hình ít tin cậy.

- Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật (nhất là mạng lưới đường và hệ thống thoát nước mặt) không thể đồng bộ do khả năng kinh phí hạn chế dẫn đến tình trạng ngập cục bộ, cần điều chỉnh cao độ thiết kế phù hợp với khả năng đầu tư.

2. Giải pháp khắc phục: Trên cơ sở kết hợp cao độ sân khuôn viên công trình cơ quan Quân sự huyện sau khi hoàn thành và kiểm tra cao độ nền nhà các hộ dân đã xây dựng trong vùng quy hoạch để bảo đảm không bị ngập úng, xác định điểm không

chế cao độ tại nút 5E (giao tim các đường NB2 và ĐT1); từ đó tính toán lại mạng lưới cao độ toàn đồ án;

3. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh mạng lưới cao độ thiết kế Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm thị trấn Phú Thứ; tỷ lệ 1/2.000 theo Biểu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định 1628 ngày 07 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm thị trấn Phú Thứ; tỷ lệ 1/2.000;

Điều 2. Tổ chức thực hiện điều chỉnh mạng lưới cao độ thiết kế Đồ án quy hoạch xây dựng này:

- Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa phối hợp Sở Xây dựng, có trách nhiệm tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng trên thực địa (chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng, ranh giới các vùng cấm xây dựng); định kỳ rà soát, kiểm tra tính khả thi của Đồ án, kịp thời điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với tình hình thực tế.

- Sở Xây dựng: Hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa về các nội dung chuyên môn của Đồ án; thực hiện tác nghiệp nội dung chuyên môn của Đồ án theo phân cấp; định kỳ phối hợp Ủy ban nhân dân huyện rà soát, kiểm tra tính khả thi của Đồ án để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Tây Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày đăng trên Công báo Phú Yên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Chi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định 979/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

BIỂU (ĐIỀU CHỈNH) CAO ĐỘ QHCT PHÚ THÚ

TT	Vị trí điểm giao tim đường theo QHCT	Các số liệu					
		Cao độ			Chênh lệch		
		Tự nhiên	Đã duyet	Điều chỉnh	(4) – (3)	(5) – (3)	(5) – (4)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đường NB1-2 giao Đường ĐT1	6,50	6,50	7,00	0,00	0,50	0,50
2	Đường NB1-2 giao Đường ĐT1-1	6,64	6,80	7,30	0,16	0,66	0,50
3	Đường NB1-2 giao Đường ĐT1-2	6,20	6,50	7,00	0,30	0,8	0,50
4	Đường NB1-2 giao Đường ĐT1-3	6,40	6,50	7,00	0,10	0,60	0,50
5	Đường NB1-2 giao Đường ĐT1-4	6,20	6,20	7,00	0,00	0,80	0,80
6	Đường NB2-1 giao Đường ĐT1	6,10	6,20	6,90	0,10	0,80	0,70
7	Đường NB2-1 giao Đường ĐT1-1	7,50	7,60	7,60	0,10	0,10	0,00
8	Đường NB2-1 giao Đường ĐT1-2	6,80	6,80	7,20	0,00	0,40	0,40
9	Đường NB2-1 giao Đường ĐT1-3	7,24	6,20	6,90	-1,04	-0,34	0,70
10	Đường NB2-1 giao Đường ĐT1-4	7,30	7,30	7,70	0,00	0,40	0,40
11	Đường NB2-1 giao Đường ĐT645	8,75	8,75	9,40	0,00	0,65	0,65
12	Đường NB2-2 giao Đường ĐT1	7,20	6,80	7,30	- 0,40	0,10	0,50
13	Đường NB2-2 giao Đường ĐT1-1	7,00	8,05	8,05	1,05	1,05	0,00
14	Đường NB2-2 giao Đường ĐT1-2	5,81	7,00	7,50	1,19	1,69	0,50
15	Đường NB2-2 giao Đường ĐT1-3	6,34	6,50	7,00	0,16	0,66	0,50
16	Đường NB2-2 giao Đường ĐT1-4	6,20	6,50	7,30	0,30	1,10	0,80
17	Đường NB2-2 giao Đường ĐT645	9,50	9,50	9,50	0,00	0,00	0,00

18	Đường NB2 giao Đường ĐT1	5,88	6,00	6,70	0,12	0,82	0,70
19	Đường NB2 giao Đường ĐT1-1	7,40	7,40	7,40	0,00	0,00	0,00
20	Đường NB2 giao Đường ĐT1-2	6,70	6,50	7,00	-0,17	0,33	0,50
21	Đường NB2 giao Đường ĐT1-3	5,52	6,00	6,70	0,48	1,18	0,70
22	Đường NB2 giao Đường ĐT1-4	7,30	7,30	7,70	0,00	0,40	0,40
23	Đường NB2 giao Đường ĐT645	9,00	9,00	9,00	0,00	0,00	0,00
24	Đường NB3 giao Đường ĐT1	5,49	6,00	6,70	0,51	1,21	0,70
25	Đường NB3 giao Đường ĐT1-1	6,70	6,70	6,70	0,00	0,00	0,00
26	Đường NB3 giao Đường ĐT1-2	6,70	6,50	7,00	-0,20	0,30	0,50
27	Đường NB3 giao Đường ĐT1-3	5,50	5,80	6,50	0,30	1,00	0,70
28	Đường NB3 giao Đường ĐT1-4	7,15	7,10	7,50	-0,05	0,35	0,40
29	Đường NB3 giao Đường ĐT645	8,01	8,01	8,01	0,00	0,00	0,00
30	Đường NB4 giao Đường ĐT 1	4,67	5,80	6,50	1,13	1,83	0,70
31	Đường NB4 giao Đường ĐT1-2	5,90	6,00	6,50	0,10	0,60	0,50
32	Đường NB4 giao Đường ĐT1-3	5,00	5,40	6,10	0,40	1,10	0,70
33	Đường NB4 giao Đường ĐT1-4	7,00	7,00	7,40	0,00	0,40	0,40
34	Đường D9 giao Đường ĐT1-2	7,22	6,50	7,00	-0,72	-0,22	0,50
35	Đường D9 giao Đường ĐT1-3	4,83	5,60	6,30	0,77	1,47	0,70
36	Đường D6 giao Đường ĐT1-4	7,10	7,10	7,50	0,00	0,40	0,40